HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 123/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị ngày 24 tháng 8 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin,

thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 112-KL/TW ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Bộ Chính trị về Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm;

Xét Tờ trình số 1449/TTr-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2026 và Tờ trình số 1575/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị thông qua Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm; Báo cáo thẩm tra số 206/BC-BĐT ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải trình tại Công văn số 10608/UBND-ĐT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm do Ủy ban nhân dân Thành phố trình theo Tờ trình số 1575/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2026 với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi, quy mô, ranh giới và thời kỳ lập quy hoạch

a) Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu: bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố xung quanh, gồm: Tây Ninh, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng và các khu vực không gian biển liên quan.

- Phạm vi lập quy hoạch: toàn bộ ranh giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích khoảng 6.772,59 km², gồm 168 đơn vị hành chính (113 phường, 54 xã và đặc khu Côn Đảo) và phần khai thác lấn biển theo yêu cầu phát triển kinh tế của Thành phố.

- Ranh giới lập quy hoạch: phía Đông giáp thành phố Đồng Nai và tỉnh Lâm Đồng; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và tỉnh Đồng Tháp; phía Bắc giáp tỉnh Tây Ninh và thành phố Đồng Nai; phía Nam giáp tỉnh Đồng Tháp và Biển Đông.

b) Dự báo quy mô dân số, đất đai

Quy mô dân số (bao gồm cả dân số thường trú, tạm trú trên 06 tháng và dân số quy đổi): Đến năm 2030, khoảng 18 triệu người; Đến năm 2035: khoảng 20,5 triệu người; Đến năm 2040: khoảng 23 triệu người; Đến năm 2045: khoảng 25 triệu người; Đến năm 2050: khoảng 27 triệu người.

Quy mô đất đai: Đến năm 2030: diện tích đất xây dựng toàn thành phố khoảng 280.000 - 290.000 ha; Đến năm 2035: khoảng 305.000 - 315.000 ha; Đến năm 2040 diện tích đất xây dựng toàn thành phố khoảng 330.000 - 345.000 ha; Đến năm 2045: diện tích đất xây dựng toàn Thành phố khoảng 350.000 - 362.000

ha; Đến năm 2050 diện tích đất xây dựng toàn thành phố khoảng 365.000 - 390.000 ha.

c) Quy mô lao động: Đến năm 2030: khoảng 8,2 triệu người; Đến năm 2040: khoảng 9,9 triệu người; Đến năm 2045: khoảng 10,7 triệu người; Đến năm 2050: khoảng 11,3 triệu người; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 65%.

d) Thời kỳ lập quy hoạch

- Thời kỳ Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh: từ năm 2025 đến năm 2050;
- Thời hạn Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh: năm 2050;
- Tầm nhìn lập quy hoạch: Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu định hướng chiến lược dài hạn hướng tới tầm nhìn 100 năm;
- Tầm nhìn 100 năm được định hướng theo các giai đoạn phát triển dài hạn sau năm 2050, hướng tới khoảng năm 2125; bảo đảm tính kế thừa, khả năng thích ứng và dư địa phát triển của Thành phố trước các biến động về kinh tế, công nghệ, dân số, biến đổi khí hậu và phương thức tổ chức không gian đô thị.

2. Quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn phát triển và tính chất đô thị

a) Quan điểm: Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thành đô thị toàn cầu hiện đại, thông minh, năng động, sáng tạo, lấy con người làm trung tâm và không ngừng nâng cao chất lượng sống. Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo liên kết nghiên cứu, đào tạo, sản xuất và thương mại hóa, tạo động lực tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và năng suất. Hoàn thiện thể chế linh hoạt, cạnh tranh; hiện đại hóa quản trị và thúc đẩy các mô hình phát triển mới. Tổ chức không gian tích hợp, đầu tư hạ tầng đồng bộ, tăng cường kết nối đất liền, biển, hàng không và ưu tiên hạ tầng số, dữ liệu.

b) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: Mục tiêu, tầm nhìn phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được định hình theo ba giai đoạn, thể hiện quá trình nâng tầm vị thế từ đô thị nổi trội của Đông Nam Á, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của châu Á, trước khi vươn tới mục tiêu trở thành đô thị toàn cầu, thông minh, hiện đại, toàn diện, sánh ngang các đô thị hàng đầu thế giới trong dài hạn.

- Các mục tiêu cụ thể theo lộ trình: Các mục tiêu, chỉ tiêu định lượng trong thời kỳ Quy hoạch được xác định đến năm 2050; các định hướng sau năm 2050 là nội dung tầm nhìn chiến lược dài hạn, làm cơ sở nghiên cứu, dự trữ không gian và chuẩn bị các điều kiện phát triển, không thay thế các mục tiêu, chỉ tiêu của thời kỳ Quy hoạch 2025 - 2050.

+ Đến năm 2030: Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, văn minh, hiện

đại, năng động, sáng tạo; là trung tâm kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, logistics và hội nhập quốc tế; đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, có vị trí nổi trội trong khu vực Đông Nam Á.

+ Đến năm 2045: Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm kinh tế, tài chính quốc tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của châu Á; tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu; là điểm đến hấp dẫn toàn cầu, có đời sống văn hóa - xã hội đặc sắc, chất lượng sống cao và hội nhập quốc tế sâu rộng.

+ Đến năm 2075 và xa hơn: Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị toàn cầu, thông minh, hiện đại, phát triển toàn diện, ngang tầm các đô thị phát triển trên thế giới; là trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và giao lưu quốc tế, có sức hấp dẫn cao đối với nhân tài, doanh nghiệp và các nguồn lực phát triển.

- Các chỉ tiêu chủ yếu về tốc độ tăng trưởng và GRDP bình quân đầu người:

+ Đến năm 2030: tăng trưởng GRDP bình quân đạt tối thiểu 10,5%/năm; GRDP đạt khoảng 200 - 225 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 14.500 USD;

+ Đến năm 2035: tăng trưởng GRDP bình quân đạt tối thiểu 10%/năm; GRDP đạt khoảng 400 - 450 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 25.000 USD;

+ Đến năm 2045: tăng trưởng GRDP bình quân đạt tối thiểu 10%/năm; GRDP đạt khoảng 1.300 - 1.700 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 75.000 USD;

+ Đến năm 2075: tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2046 - 2075 đạt tối thiểu 6%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 100.000 USD; *(GRDP và GRDP bình quân đầu người tính theo giá hiện hành; GRDP bình quân đầu người tính trên dân số thường trú).*

c) Tầm nhìn: Tầm nhìn 100 năm trở thành "Đô thị toàn cầu, thông minh, hiện đại, toàn diện, sánh ngang các đô thị hàng đầu thế giới".

d) Tính chất đô thị:

- Là đô thị đặc biệt, đóng vai trò cực tăng trưởng quan trọng của quốc gia, hạt nhân của các vùng động lực phía Nam; có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của vùng Đông Nam Bộ và cả nước;

- Là một trong những trung tâm sản xuất công nghiệp, công nghệ, tài chính, thương mại và logistics; có vai trò tiên phong, dẫn dắt phát triển và đổi mới sáng tạo; đồng thời là trung tâm du lịch, dịch vụ chất lượng cao, chăm sóc sức khỏe và cửa ngõ giao lưu quốc tế;

- Là siêu đô thị dịch vụ giải trí, thể thao có tầm vóc quốc tế, trung tâm tài chính, hàng hải; trung tâm thu hút nhân tài, chuyên gia quốc tế, cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục, du lịch và văn hóa mang tầm khu vực ASEAN và châu Á.

3. Mô hình cấu trúc và tổ chức không gian

Thành phố phát triển theo mô hình "siêu đô thị đa cực, đa trung tâm", chuyển từ cấu trúc cộng gộp sau sắp xếp sang mạng lưới đô thị thống nhất, liên kết và chuyên môn hóa theo lợi thế. Cấu trúc gồm 05 cực động lực, 05 hệ liên kết chiến lược, 05 trung tâm vệ tinh và 10 vùng quản trị phát triển; các thành tố này gắn với khung sinh thái, hệ thống hạ tầng và cơ chế điều phối liên ngành, liên địa bàn. Vùng quản trị phát triển là khung định hướng, quản lý và điều phối không gian, không phải đơn vị hành chính.

Trong cấu trúc này, 05 cực động lực là các không gian tạo động lực tăng trưởng và dẫn dắt phát triển; 05 hệ liên kết chiến lược là khung kết nối các cực, trung tâm và vùng chức năng; 05 trung tâm vệ tinh là các hạt nhân đô thị - chức năng hỗ trợ phân bố dân cư, việc làm và dịch vụ; 10 vùng quản trị phát triển là khung quản lý, điều phối và cụ thể hóa quy hoạch.

05 cực động lực: (1) Cực lõi trung tâm dịch vụ tài chính quốc tế tập trung tại khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn - Thủ Thiêm, phát huy vai trò quản trị, tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch và công viên chuyên đề tầm cỡ quốc tế, văn hóa và kinh tế sáng tạo; ưu tiên tái thiết, bảo tồn di sản và phát triển gắn với giao thông công cộng; (2) Cực đổi mới sáng tạo phía Đông, Đông Bắc kết nối Thủ Đức, Dĩ An, Thuận An, Bình Dương, Tân Uyên với sân bay Long Thành, tập trung công nghệ cao, AI, bán dẫn, nghiên cứu - phát triển và giáo dục đại học; (3) Cực công nghiệp - logistics phía Bắc phát triển tại khu vực Bến Cát, Bàu Bàng và vùng phụ cận, chuyển các khu công nghiệp đơn chức năng thành hệ sinh thái công nghiệp, logistics, đô thị và dịch vụ; (4) Cực cảng biển - thương mại tự do - công nghiệp năng lượng phía Nam kết nối Châu Đức, Long Sơn, Phú Mỹ, Vũng Tàu và Cần Giờ, phát huy cảng biển, logistics, hàng hải, thương mại tự do và năng lượng, kiểm soát chặt tác động môi trường; (5) Cực đô thị, giáo dục, y tế phía Tây phát triển các khu đô thị đồng bộ, trung tâm đào tạo, y tế chuyên sâu, triển lãm và dịch vụ, góp phần phân bố lại dân cư, việc làm và giảm áp lực cho khu vực lõi.

05 trung tâm vệ tinh: (1) Côn Đảo phát triển du lịch sinh thái biển đảo, di sản - lịch sử và nghiên cứu khoa học gắn với bảo tồn thiên nhiên, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch trải nghiệm phát huy văn hóa địa phương; (2) Vũng Tàu - Long Hải - Hồ Tràm phát triển du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ biển, thể thao và chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bờ biển, rừng ven biển; (3) Hóc Môn - Củ Chi phát triển đô thị sinh thái, dịch vụ cửa ngõ Tây Bắc, công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch văn hóa - lịch sử; (4) Bàu Bàng phát triển công nghiệp công nghệ

cao, logistics và đô thị công nghiệp thế hệ mới; (5) Tân Uyên - Bắc Tân Uyên phát triển dịch vụ công nghiệp, logistics, đô thị đại học, đô thị sinh thái dọc Vành đai 4 và ven sông Đồng Nai.

05 hệ liên kết chiến lược gồm: (1) liên kết Bắc - Nam, nối các cửa ngõ phía Bắc, vùng công nghiệp, khu trung tâm, Long Thành, Phú Mỹ và cụm cảng Cái Mép - Thị Vải; (2) liên kết Đông - Tây, nối Đồng bằng sông Cửu Long với trung tâm Thành phố, Long Thành và không gian kinh tế biển, đảo; (3) liên kết công nghiệp - sản xuất - logistics đa phương thức, tổ chức chuỗi sản xuất, chế biến, kho vận, cảng biển, hàng không và phân phối; (4) liên kết hạ tầng đô thị đa tầng, tích hợp giao thông mặt đất, đường sắt, không gian ngầm, tầm thấp, tầm cao và hạ tầng số; (5) liên kết xanh - xanh dương, nối hồ, rừng, nông nghiệp, sông, cửa sông, rừng ngập mặn, biển và đảo.

Hình thành hành lang phát triển dọc sông Sài Gòn - Đồng Nai, gắn bảo tồn hệ sinh thái và cảnh quan với phát triển các khu phức hợp dịch vụ, đô thị hỗn hợp, du lịch, không gian công cộng và giao thông thủy; tạo động lực phát triển mới cho khu vực phía Bắc Thành phố và hình ảnh đặc trưng của đô thị ven sông.

Hệ thống sông Sài Gòn - Đồng Nai và các sông, kênh, rạch chính được xác định là cấu trúc không gian xanh - xanh dương chiến lược của Thành phố, đồng thời là hành lang sinh thái, cảnh quan, văn hóa, giao thông thủy và phát triển dịch vụ. Ưu tiên tổ chức không gian hai bên sông Sài Gòn gắn với chỉnh trang, tái thiết đô thị, bảo tồn di sản, phát triển không gian công cộng, giao thông công cộng, TOD và nâng cao khả năng tiếp cận mặt nước của cộng đồng.

Không gian đô thị được quản lý và khai thác theo cấu trúc đa tầng, gồm không gian ngầm, mặt đất, tầm thấp và tầm cao, gắn với hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, các đầu mối giao thông và khu vực TOD; bảo đảm an toàn, hiệu quả sử dụng không gian và khả năng kết nối đồng bộ.

Trung tâm chính trị - hành chính Thành phố được tổ chức phù hợp với định hướng tại khu vực Thủ Thiêm - An Khánh và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thống nhất với vai trò của cực lõi trung tâm quản trị, tài chính và dịch vụ quốc tế. Phát huy vai trò Rạch Chiếc là trung tâm đô thị thể thao, văn hóa, sáng tạo và giải trí phức hợp tầm cỡ quốc tế. Nghiên cứu tối đa hiệu quả sử dụng đất đối với các khu vực dự án trọng điểm của Thành phố theo hướng phát triển đô thị tích hợp, đồng bộ và đa chức năng.

10 vùng quản trị phát triển được xác định theo điều kiện tự nhiên, quỹ đất, hạ tầng, môi trường và chức năng chủ đạo để phân bổ dân cư, việc làm, dịch vụ, sản xuất, du lịch và đầu tư. Các vùng gồm: (1) Vùng lõi đô thị - tài chính - quản trị - di sản ưu tiên bảo tồn, tái thiết, phát triển tài chính - thương mại, không gian công cộng và TOD; (2) Vùng đổi mới sáng tạo phía Đông phát triển đô thị tri thức, đại học, nghiên cứu, công nghệ cao và dịch vụ; (3) Vùng Tây - Tây Nam: vùng

cửa ngõ Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức logistics, công nghiệp sạch, y tế, giáo dục, đô thị sinh thái và nông nghiệp công nghệ cao; (4) Vùng đô thị công nghiệp - dịch vụ Bình Dương; (5) Vùng phía Nam, Nhà Bè - Hiệp Phước là vùng đô thị - cảng - logistics phía Nam; (6) Vùng cảng biển - logistics - công nghiệp - năng lượng là vùng động lực kinh tế phía Đông Nam, cửa ngõ giao thương quốc tế và trung tâm liên kết chuỗi sản xuất - logistics - cảng biển của Thành phố với vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và mạng lưới kinh tế quốc tế; (7) Vùng sinh thái biển Cần Giờ là không gian sinh thái biển đặc thù, cửa ngõ hướng biển và trung tâm kinh tế biển của Thành phố; (8) Vùng sinh thái và dự trữ phát triển là khu vực sinh thái, nông nghiệp phía Bắc và phía Đông Nam kết hợp công nghiệp xanh, logistics, đô thị và nông nghiệp - sinh thái; (9) Vùng du lịch biển Long Sơn - Vũng Tàu - Long Hải - Hồ Tràm là vùng đô thị - du lịch - dịch vụ biển và sinh thái ven biển trọng điểm và (10) Đặc khu Côn Đảo quản lý theo hướng bảo tồn hệ sinh thái, dịch vụ du lịch đảm bảo kiểm soát sức tải du lịch, bảo đảm an toàn dân cư và quốc phòng, an ninh. Mọi khu vực phát triển mới phải gắn với năng lực hạ tầng, khả năng cung cấp dịch vụ công và yêu cầu thích ứng với điều kiện tự nhiên. Ranh giới, chỉ tiêu và chức năng cụ thể được quản lý theo hồ sơ quy hoạch và làm rõ tại quy hoạch cấp dưới.

4. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và các khu chức năng

Cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng dịch vụ giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển. Các lĩnh vực trọng tâm gồm tài chính quốc tế; dịch vụ số, trí tuệ nhân tạo và kinh tế dữ liệu; công nghệ thông tin, vi mạch bán dẫn, công nghệ sinh học, vật liệu mới; điện toán và trung tâm dữ liệu; công nghiệp chế tạo tiên tiến; logistics; năng lượng và năng lượng tái tạo; thương mại, du lịch và dịch vụ chất lượng cao. Phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm và các hoạt động phù hợp trong không gian tầm thấp theo quy định.

Kinh tế biển phát triển gắn với cảng biển, dịch vụ hàng hải, logistics quốc tế, dầu khí, năng lượng, du lịch biển - đảo và nuôi trồng thủy sản công nghệ cao. Cụm cảng Cái Mép - Thị Vải, định hướng cảng Cái Mép Hạ và Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ được xem xét trong tổng thể mạng lưới cảng, luồng hàng, kết nối đường bộ - đường sắt - đường thủy, sân bay và các trung tâm logistics; việc triển khai tuân thủ quy hoạch cấp trên, đánh giá môi trường và yêu cầu quốc phòng, an ninh.

Không gian biển - cửa sông - vịnh Gành Rái - Cần Giờ - Vũng Tàu - Cái Mép - Thị Vải được định hướng là không gian động lực chiến lược hướng biển, kết nối hệ thống cảng biển, logistics, đô thị - dịch vụ biển, du lịch, năng lượng và bảo tồn sinh thái; phát huy vai trò cửa ngõ quốc tế của Thành phố và liên kết với

vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và các hành lang kinh tế quốc tế; định hướng Long Sơn là đô thị công nghiệp, du lịch, dịch vụ, phát triển theo hướng đô thị công nghiệp - công nghệ cao, dịch vụ, du lịch cao cấp, cảng biển gắn với trục phát triển Cần Giờ - Vũng Tàu - Bà Rịa - Phú Mỹ.

Mạng lưới khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu công nghệ cao được sắp xếp, mở rộng hoặc chuyển đổi phù hợp với cơ cấu ngành, hiệu quả sử dụng đất và sức chịu tải môi trường. Ưu tiên khu công nghiệp sinh thái, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao, sản xuất sạch, tuần hoàn và tích hợp dịch vụ logistics, nghiên cứu - phát triển, đào tạo. Các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với nghiên cứu, trình diễn, chuyển giao công nghệ, chế biến sau thu hoạch và thị trường; không làm suy giảm chức năng sinh thái và an ninh lương thực.

Phát triển các đô thị đại học, đô thị tri thức và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn kết đại học, viện nghiên cứu, trung tâm R&D, khu công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ và các không gian khởi nghiệp; ưu tiên hình thành các cụm đổi mới sáng tạo có khả năng cạnh tranh quốc tế tại cực phía Đông, Đông Bắc và các khu vực có điều kiện phù hợp.

Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, an sinh xã hội và nhà ở được phát triển như hạ tầng nền tảng của đô thị. Bảo tồn, phát huy di sản và bản sắc địa phương; phân bố cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao theo mạng lưới dân cư và các cực phát triển; nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ thiết yếu, phát triển nhà ở phù hợp khả năng chi trả và nhà ở xã hội.

Bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, tài nguyên nước, rừng, biển, vùng cửa sông và hành lang sông rạch; duy trì các không gian dự trữ sinh thái và phát triển, kiểm soát sức tải môi trường và hạn chế phát triển tại các khu vực có nguy cơ cao. Tổ chức phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sụt lún, ngập lụt và các rủi ro thiên tai; tăng cường hạ tầng xanh, hạ tầng xanh - xanh dương và các giải pháp dựa vào tự nhiên.

5. Định hướng hệ thống đô thị - nông thôn

Hệ thống đô thị và nông thôn được phát triển hài hòa, có liên kết với các cực động lực. Đô thị hiện hữu tập trung nâng cấp hạ tầng, chỉnh trang và tái thiết; khu vực mới phát triển đồng bộ với giao thông công cộng và dịch vụ xã hội. Nông thôn phát triển theo hướng sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, bảo tồn làng nghề, văn hóa và cảnh quan; kiểm soát chuyển đổi đất, hạn chế phát triển tự phát. Trung tâm đô thị đa chức năng ưu tiên bố trí tại đầu mối giao thông, các trục đô thị và hành lang sông nước; khu vực TOD tập trung chức năng hỗn hợp, không gian đi bộ, nhà ở, việc làm và dịch vụ công cộng trong phạm vi tiếp cận thuận tiện.

Việc xác định phạm vi, tính chất, chức năng và lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của các đô thị thuộc Thành phố phải căn cứ vai trò trong cấu trúc không gian, các cực động lực, điều kiện phát triển, năng lực hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và yêu cầu quản lý; bảo đảm khai thác tối ưu lợi thế của từng khu vực, thống nhất giữa Quy hoạch tổng thể, quy hoạch đô thị và nông thôn cấp dưới và thực tiễn tổ chức thực hiện.

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

Phát triển các thiết chế giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao và an sinh theo mô hình mạng lưới, gắn với phân bố dân cư, việc làm, các trung tâm và điều kiện tiếp cận giao thông công cộng. Phấn đấu diện tích sàn nhà ở bình quân khoảng 40 m²/người; quy mô giường bệnh khoảng 40 - 50 giường/10.000 dân. Ưu tiên nâng cấp dịch vụ công tại khu vực phát triển nhanh, khu vực xa trung tâm và các địa bàn có điều kiện tiếp cận còn hạn chế; phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu của các ngành chiến lược và tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Mạng lưới giao thông phát triển đa phương thức, ưu tiên đường sắt đô thị và đường sắt liên vùng, giao thông công cộng khối lượng lớn, đường đô thị quy mô lớn, các tuyến kết nối cảng biển - sân bay - khu công nghiệp - trung tâm logistics. Phát triển các đầu mối trung chuyển và khu vực TOD đồng bộ giữa quy hoạch đô thị, đầu tư đường sắt, quỹ đất, nhà ở, việc làm và dịch vụ. Khai thác giao thông thủy và các cửa ngõ hàng không, hàng hải; tăng cường kết nối với sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay Long Thành, Ga liên vận Quốc tế An Bình, Cảng Cái Mép - Thị Vải, Cần Giờ, Vũng Tàu và Côn Đảo theo quy hoạch chuyên ngành.

Hạ tầng kỹ thuật gồm san nền, thoát nước, cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, năng lượng, chiếu sáng, viễn thông và hạ tầng số được quy hoạch đồng bộ, có tính đến biến đổi khí hậu, sụt lún, triều cường và nước biển dâng. Chỉ tiêu đến năm 2050 gồm: tỷ lệ đất giao thông đô thị tối thiểu 6%; 100% dân số được cấp nước sạch; thu gom, xử lý nước thải toàn Thành phố khoảng 80%; thu gom, xử lý chất thải rắn đạt 100% ở đô thị và khoảng 95% ở nông thôn. Định hướng hạ tầng ngầm, tầm thấp và tầm cao được triển khai theo quy hoạch chuyên đề, bảo đảm an toàn, kết nối và sử dụng hiệu quả không gian.

8. Dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện

Danh mục dự án ưu tiên được xác định theo tính cấp thiết, khả thi, hiệu quả, phù hợp quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực; các dự án quy mô lớn có động lực phát triển vùng và đóng góp lớn vào kinh tế địa phương. Ưu tiên hoàn thành dự án đang triển khai và đầu tư hạ tầng quốc gia, vùng, hạ tầng khung của Thành

phố. Tập trung giao thông đa phương thức, đường sắt, vành đai, cao tốc, cảng biển, sân bay, logistics, hạ tầng số và năng lượng. Ưu tiên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển và dịch vụ chất lượng cao. Đầu tư các công trình môi trường, chống ngập, thích ứng biến đổi khí hậu, nhà ở xã hội, tái định cư và hạ tầng xã hội thiết yếu.

Huy động ngân sách, vốn tư nhân, FDI, PPP, trái phiếu và các nguồn lực trong, ngoài nước; bảo đảm hiệu quả, công khai và cân đối ngân sách. Phát triển nhân lực chất lượng cao, tăng liên kết Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp; danh mục và tiến độ dự án được cụ thể hóa trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch.

Ưu tiên huy động nguồn lực từ giá trị gia tăng do quy hoạch và đầu tư hạ tầng tạo ra, khai thác hiệu quả quỹ đất và không gian phát triển gắn với các tuyến đường sắt, khu vực TOD, tái thiết đô thị và các dự án hạ tầng chiến lược theo quy định của pháp luật; bảo đảm hài hòa lợi ích Nhà nước, người dân và nhà đầu tư.

Quản lý đầu tư, xây dựng và điều chỉnh quy hoạch phải tuân thủ Quy hoạch tổng thể, quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và yêu cầu về môi trường, quốc phòng, an ninh.

Việc thực hiện Quy hoạch được phân kỳ theo các giai đoạn 2026 - 2030, 2031 - 2040 và 2041 - 2050; xác định rõ các chương trình, dự án hạ tầng khung và dự án có tính chất dẫn dắt, tạo động lực, mở ra không gian phát triển mới. Danh mục, thứ tự ưu tiên, nguồn lực và tiến độ cụ thể được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch và được rà soát, cập nhật phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực và tình hình phát triển của Thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố

- Tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ ngành Trung ương, ý kiến thẩm tra của Ban Đô thị, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố, hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, tổ chức công bố và cung cấp thông tin quy hoạch theo quy định tại Chương IV Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố.

- Tổ chức lập và ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch; xác định lộ trình, phân kỳ, chương trình, dự án ưu tiên, nguồn lực và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; tổ chức cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể Thành phố trong các quy hoạch

phân khu, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chuyên ngành, chương trình phát triển đô thị, kế hoạch đầu tư công và các chương trình, kế hoạch phát triển có liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất.

- Rà soát các quy hoạch, chương trình, dự án đang triển khai để xử lý các nội dung chưa thống nhất với Quy hoạch tổng thể; hoàn thiện và quản lý cơ sở dữ liệu quy hoạch dùng chung, bao gồm cơ sở dữ liệu số cơ bản (HoSoBASIC) và cơ sở dữ liệu số địa lý (HoSoGIS), bảo đảm kết nối, chia sẻ, cập nhật và khai thác theo quy định; tổ chức theo dõi, đánh giá định kỳ việc thực hiện Quy hoạch và kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố đối với các vấn đề lớn, phát sinh hoặc nội dung cần điều chỉnh theo thẩm quyền.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy hoạch, việc phân bổ quy mô dân số phải tập trung cho các khu vực trọng điểm, cực động lực, trung tâm vệ tinh của Thành phố và hành lang TOD, khu vực quy hoạch phát triển đô thị; ưu tiên bảo vệ các hành lang sinh thái, hành lang sông, không gian dự trữ phát triển và quỹ đất dành cho hạ tầng chiến lược; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi chức năng sử dụng đất và phát triển dự án tại các khu vực có ý nghĩa chiến lược, bảo đảm không làm suy giảm khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn của Thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, SQHKT (BĐT – Tùng, Vũ).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Minh